TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 4- 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Trang

2. Ông Phạm Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Khánh L**, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Tổ A, phường TT, thành phố TN, tỉnh TN - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh T - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Khánh L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn theo phong tục địa phương từ cuối năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Tuy nhiên, đến tháng 10/2015 hai bên mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh T.

Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng với gia đình nhà chồng tại xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh T. Chung sống được khoảng gần 02 năm thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do làm ăn kinh tế khó khăn và bất đồng quan điểm sống nên tháng 8/2016 chị đã mang con về bên nhà ngoại sống, sau đó anh D nhiều lần xuống gây sự, đập phá đồ đạc của gia đình nhà chị, khiến gia đình phải gọi bảo vệ khu phố và Công an phường đến giải quyết. Từ đầu năm 2017

đến nay, anh D đã bỏ đi làm ăn ở địa phương khác và không quan tâm hay có trách nhiệm gì với vợ con. Nay, chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh D đã lầm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2015 hiện nay đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị có nhà ở, có công việc làm ổn định thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh D vắng mặt, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án không xác định được lời khai của anh D và không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị Bùi Thị Khánh L và anh Nguyễn Văn D tại gia đình và địa phương nơi cư trú. Kết quả xác định: sau khi kết hôn chị L và anh D chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì chị L mang con về bên ngoại sống, từ đó không liên lạc hay quan tâm gì tới gia đình nhà chồng. Bản thân anh D do làm ăn bị thua lỗ, nợ nần nên phải đi làm ở địa phương khác để, ít khi có mặt ở nhà, tình cảm vợ chồng do đó cũng bị ảnh hưởng. Việc chị L có đơn ly hôn anh D đã biết, quan điểm của anh là không muốn bỏ vợ bỏ con, tuy nhiên nếu chị L cương quyết muốn ly hôn thì anh cũng không thể níu kéo được, tùy thuộc vào sự quyết định của chị L.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Áp dụng Điều 21, 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị Khánh L, cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc A sinh ngày 28/8/2015 cho chị Bùi Thị Khánh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị L chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Án phí: Chị Bùi Thị Khánh L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Khánh L, nơi cư trú: phường TT, thành phố TN, tỉnh TN với bị đơn anh Nguyễn Văn D, nơi cư trú: xã Q, huyện Đ, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã xác minh, tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Văn D theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên anh D cố tình không hợp tác, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn D.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị Khánh L kết hôn với anh Nguyễn Văn D năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh T vào tháng 10/2015 trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị Bùi Thị Khánh L về chung sống cùng với gia đình anh D tại xóm L, xã Q, huyện Đ, tỉnh T. Chung sống với nhau được gần 02 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn kinh tế thua nỗ và bất đồng quan điểm sống nên chị L đã mang con về bên ngoại sinh sống từ đó cho tới nay, anh D thì đi làm ăn ở địa phương khác. Quá trình vợ chồng sống ly thân, chị L và anh D cũng không thường xuyên liên lạc hoặc quan tâm gì tới nhau. Việc chị L khởi kiện xin ly hôn anh D đã biết, mặc dù bản thân không muốn ly hôn, nhưng Tòa án nhiều lần tổ chức phiên hòa giải anh D đều vắng mặt không có lý do, đồng thời anh D cũng xác định nếu chị L cương quyết thì anh cũng không thể níu kéo, tùy thuộc vào sự quyết định của chị L.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận, cho chị L được ly hôn với anh D là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2015, hiện tại con chung đang sống cùng chị L. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị L đều có nguyện vọng muốn được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng chị L, chị L có nhà ở và có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Nguyễn Ngọc A cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Bùi Thị Khánh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị Khánh L, cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 28/8/2015 cho chị Bùi Thị Khánh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Nguyễn Văn D vì chị Bùi Thị Khánh L chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị Khánh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016206 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Bùi Thị Khánh L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Bùi Thị Khánh L, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn D. Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh T;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Bắc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Trang

2. Ông Phạm Anh Tuấn

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Khánh L**, sinh năm 1995 - Có mặt

Nơi cư trú: Tổ 24B, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1993 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm La Giang 2, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

I. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

II. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị Khánh L, cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 28/8/2015 cho chị Bùi Thị Khánh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Nguyễn Văn D vì chị Bùi Thị Khánh L chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

4. Án phí: Chị Bùi Thị Khánh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016206 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Bùi Thị Khánh L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 4 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Bắc